

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 466/2019/DS-ST

Ngày: 22-11-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;
2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Lê Văn Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 560/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207A/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ hội sở: Số 130 đường P, Phường 3, quận P, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 1376 Tỉnh lộ 8, ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, sinh năm: 1967. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Liêu Thanh H, sinh năm: 1989. Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh - Khách hàng cá nhân (Có mặt).

Theo Quyết định về việc ủy quyền số 01/QĐ-DAB-TĐG ngày 25/7/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

*** Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm: 1973 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 7A, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 31/7/2019, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ) - có người đại diện theo ủy quyền là bà Liêu Thanh H trình bày:*

Ngày 07/02/2018, ông Lê Văn T ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 00911107/0140117201T18004 với Ngân hàng Đ, theo hợp đồng, số tiền Ngân hàng Đ cho ông T vay là 50.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 8%/năm.

Trong quá trình vay, từ ngày 07/02/2018 đến ngày 28/01/2019, ông T chỉ trả được cho Ngân hàng Đ 03 kỳ với số tiền tổng cộng là 10.049.655đ, cụ thể như sau:

- Tiền vốn: 7.013.260đ;
- Tiền lãi trong hạn: 3.024.224đ;
- Tiền lãi quá hạn: 12.171đ.

Tính từ ngày 25/7/2019, ông T chậm thanh toán 33 kỳ, Ngân hàng Đ đã nhiều lần điện thoại, đến gặp trực tiếp và gửi thư nhắc nợ nhưng ông T vẫn không trả nợ, tính đến ngày 22/11/2019, số tiền ông T còn nợ Ngân hàng Đ tổng cộng là 53.181.205đ, cụ thể như sau:

- Tiền gốc: 42.986.740đ;
- Tiền lãi trong hạn: 8.964.665đ;
- Tiền lãi quá hạn: 1.229.800đ.

Do vậy Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải thanh toán số tiền gốc và lãi tổng cộng như đã nêu trên cho Ngân hàng Đ.

Ngoài ra từ ngày 23/11/2019, ông T còn phải thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 00911107/0140117201T18004 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

** Bị đơn là ông Lê Văn T vắng mặt.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:*

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 31/7/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn T thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 00911107/0140117201T18004 ngày 07/02/2018, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 7A, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố H và hiện vẫn còn sinh sống tại địa phương (theo kết quả xác minh của Ban chỉ huy Công an xã T, huyện C) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Lê Văn T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng Đ yêu cầu ông Lê Văn T thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 00911107/0140117201T18004 ngày 07/02/2018 đã ký giữa hai bên, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/11/2019 là 53.181.205đ.

Hội đồng xét xử xét trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 00911107/0140117201T18004 ngày 07/02/2018, ông T chỉ thanh toán được cho Ngân hàng Đ một phần tiền vay, theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Đ cung cấp, Ngân hàng Đ đã nhiều lần thông báo, làm việc với ông T, tại các biên bản làm việc, ông T ký cam kết trả nợ nhưng sau đó không thực hiện. Việc ông T không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Đ, vi phạm điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của của người vay và người bảo lãnh quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 00911107/0140117201T18004 ngày 07/02/2018 và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức*

tín dụng theo quy định của pháp luật”, do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 00911107/0140117201T18004 ngày 07/02/2018 của Ngân hàng Đ là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đề nghị này.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và lãi phải thanh toán cho Ngân hàng Đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc ông Lê Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 00911107/0140117201T18004 ngày 07/02/2018 tính đến ngày 22/11/2019 tổng cộng là 53.181.205đ (Năm mươi ba triệu một trăm tám mươi một ngàn hai trăm lẻ năm đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Ông Lê Văn T phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/11/2019 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trên số nợ gốc thực nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số: 00911107/0140117201T18004 ngày 07/02/2018 đã ký

giữa các bên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn T phải chịu án phí là 2.659.060đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn không trăm sáu mươi đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí là 1.313.315đ (Một triệu ba trăm mười ba ngàn ba trăm mười lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0022701 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**